TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29/ 10/ 2019
V/v : Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Lò Văn Thương.
2. Ông: Lường Văn Hịa.

- Th- ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 29/10/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2019/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 17/09/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cà Thị Gi, sinh năm 1985.
Trú tại: Bản X 1, xã Ph, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn V, sinh năm 1984.
Trú tại: Bản N, xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 30/5/2019 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Cà Thị Gi (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh V có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Điện Biên vào ngày 23/11/2005. Kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng sống đầm ấm, hạnh phúc. Đến khi tôi sinh con đầu xong năm 2006 chồng tôi có dấu hiệu bạo lực gia đình. Cứ mỗi lần uống rượu say về là đánh đập tôi, càng thời gian sau sự việc ngày càng diễn ra nhiều lần mỗi khi uống rượu say về lại đánh đập tôi. Đã vài lần tôi trốn về nhà ngoại. Anh V lại lên bắt phải về. Chúng tôi đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng chồng tôi vẫn không thay đổi bản tính của mình, tôi đã nhẫn nhịn quá nhiều vì gia đình, vì các con. Đến năm 2015 tôi đã quyết định ly thân với chồng về ở với ông bà ngoại, không còn đi lại và quan tâm nhau nữa. Xét thấy tình cảm giữa tôi và anh V không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc và không muốn con cái mình phải khổ. Vì vậy tôi viết đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh V.

2. Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên là Lò Văn K, sinh ngày 28/8/2006 và Lò Văn Đ, sinh ngày 23/11/2011. Được sự thống nhất hai bên gia đình và các con vợ chồng tôi chia nhau chăm sóc con. Hiện cháu Đ đang ở với tôi tại Bản Xẻ, xã Ph, huyện Điện Biên. Còn cháu K đang ở cùng bố tại bản Na Cọ, xã M, huyện Điện Biên. Chúng tôi mỗi người sẽ tự có trách nhiệm nuôi dưỡng con đến khi thành niên và có khả năng lao động. Không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về: Không có

Tài sản chung; diện tích đất ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Lò Văn V (bị đơn) trình bày nh sau:

1. Về hôn nhân: Chúng tôi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Điện Biên vào ngày 23/11/2005, kết hôn tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc, chỉ thỉnh thoảng tôi đi uống rượu say có một vài lần về tôi đánh vợ tôi, ngoài ra không có mâu thuẫn gì khác. Đầu năm 2015 vợ tôi bỏ đi bên ngoại ở nhiều lần tôi có đi đón vợ tôi về nhưng vợ tôi không về. Vợ chồng tôi đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vợ tôi không nghe. Nay vợ tôi làm đơn ly hôn tôi không đồng ý ly hôn, vì tình cảm giữa tôi và vợ tôi vẫn còn.

2. Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên là Lò Văn K, sinh ngày 28/8/2006 và cháu Lò Văn Đ, sinh ngày 23/11/2011. Hai cháu đã trên 07 tuổi, nên các cháu muốn ở với ai là quyền của các cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về: Không có; tài sản chung; diện tích đất ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 29/8/2019, chính quyền địa phương xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên cung cấp như sau:

Chị Cà Thị Gi và anh Lò Văn V đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Điện Biên. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V say rượu thường xuyên đánh đập chị Gi. Vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân được khoảng 4 năm.

Chị Gi và anh V có 02 con chung là cháu Lò Văn K, sinh ngày 28/8/2006 và cháu Lò Văn Đ, sinh ngày 23/11/2011. Hiện cháu K đang sống cùng anh V, cháu Đ đang sống cùng chị Gi, nên việc giao các cháu cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng đề nghị Tòa án xem xét đến điều kiện về kinh tế và thời gian để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của các cháu.

- Ý kiến của Đ diện viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị Gi được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Căn cứ Điều 69, 81, 82, 83, 84 luật hôn nhân gia đình 2014 đề nghị Tòa án giao cháu Lò Văn Đ, sinh ngày 23/11/2011 cho chị Gi trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác. Giao cháu Lò Văn K, sinh ngày 28/8/2006 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chị Gi và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về: Không có; tài sản chung; diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147/BLTTDS. Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định thì chị Cà Thị Gi có giấy chứng nhận hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí DSST nên chị Gi được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa chị Cà Thị Gi và anh Lò Văn V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lò Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Gi và anh V được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và nghi thức kết hôn do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Gi và anh V là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V thường xuyên đi uống rượu say về nhà đánh chị Gi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai bên gia đình nội ngoại đã hòa giải nhưng anh V vẫn không thay đổi, năm 2015 chị Gi đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tại bản tự khai của anh V cũng có công nhận thỉnh thoảng có đi uống rượu say, có một vài lần đánh chị Gi, chị Gi đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2015 cho đến nay, anh V không đồng ý ly hôn. Ngoài ra theo xác minh tại địa phương cho biết chị Gi và anh V đã sống ly thân được 4 năm, nguyên nhân do anh V thường xuyên uống rượu say về nhà đánh đập chị Gi. Hội đồng xét xử xét thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa anh V và chị Gi đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong công việc và cuộc sống gia đình, anh V còn có hành vi bạo lực gia đình, bản từ đó dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy nguyện vọng xin ly hôn của chị Gi là phù hợp với qui định tại điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Gi.

[2.2] . Về con chung: Chị Gi và anh V có hai con chung là cháu Lò Văn K, sinh ngày 28/8/2006 và cháu Lò Văn Đ, sinh ngày 23/11/2011. Chị Gi có nguyện vọng xin được nuôi cháu Đ, còn cháu K giao cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại bản tự khai và tại các phiên hòa giải anh V đề nghị hai cháu đã trên 07 tuổi nên các cháu ở với ai là quyền của các cháu. Tại bản tự khai ngày 01/8/2019 của cháu K, thì cháu có nguyện vọng xin được ở với bố. Tại bản tự khai ngày 06/8/2019 của

cháu Đ, thì cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ. HĐXX xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi cần phải xem xét nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của các con. Do vậy nguyện vọng của chị Gi, anh V, cháu K, cháu Đ là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận. Giao cháu Đ cho chị Gi chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu K cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Gi và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Gi và anh V đều thống nhất thỏa thuận: Tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về: Không có; tài sản chung; diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2.5].Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147/BLTTDS. Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định thì chị Cà Thị Gi có giấy chứng nhận hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí DSST nên chị Gi được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 235; 264 và 267 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chị Cà Thị Gi được ly hôn với anh Lò Văn V.

2. Về con chung:

- Giao cháu Lò Văn Đ, sinh ngày 23/11/2011 cho chị Gi trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

- Giao cháu Lò Văn K, sinh ngày 28/8/2006 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chị Gi và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về: Không có; tài sản chung; diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147/BLTTDS. Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định thì chị Cà Thị Gi có giấy chứng nhận hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí DSST nên chị Gi được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/10/2019). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện ĐB;
- Chi cục THA huyện ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Lò Văn Hịa	**Vũ Thị Thanh Thủy**	**Lò Văn Thương**